TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS - PT
Ngày : 12 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng;

Ông Nguyễn Đức Cảnh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Ông Trần Trọng Dần – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLPT-DS ngày 16-10-2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS – ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2023/QĐXX-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S, sinh năm 1953; Nơi thường trú: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh T;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Th, Sinh năm 1966; Nơi thường trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh T. Theo văn bản ủy quyền ngày 13-12-2022;

- *Bị đơn:* Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B; địa chỉ trụ sở: Số 95 phố T, phường D, quận C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y – Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Đ và ông Hồ Đình Q (theo văn bản ủy quyền số 1024/GUQ-PTI ngày 01-12-2023);

- *Người kháng cáo:* Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Bà Th, ông Đ có mặt. Ông Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2022, bản tự khai ngày 16-02-2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Phạm Thị S là Bà Hoàng Thị Th trình bày:

Ngày 16-02-2022 Bà Phạm Thị S mua bảo hiểm thông qua hình thức bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm B là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Gói bảo hiểm mà Bà Phạm Thị S mua thuộc chương trình "VTA +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B.

Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho Bà Phạm Thị S đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Sau khi Bà Phạm Thị S mua bảo hiểm đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm có các nội dung cụ thể như sau:

Người mua bảo hiểm là Bà Phạm Thị S; người được bảo hiểm là Bà Phạm Thị S.

Thời hạn bảo hiểm đối với Bà Phạm Thị S là 12 tháng, tính từ ngày 17-02-2022 đến ngày 17-02-2023.

Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được Bà Phạm Thị S đóng toàn bộ một lần vào ngày 16-02-2022.

Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị S đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 3 vào ngày 09-01-2022 tại Trạm y tế xã T, huyện H, tỉnh T. Đến ngày 26-02-2022 Bà Phạm Thị S được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu xét nghiệm PCR của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153. Cùng ngày 26-02-2022, Bà Phạm Thị S được đưa vào điều trị tại "Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh T" để điều trị bệnh Covid-19. Đến ngày 06-3-2022 Bà Phạm Thị S được ra viện.

Ngay sau khi ra viện vào ngày 06-3-2022 Bà Phạm Thị S đã làm thủ tục thông báo việc Bà Phạm Thị S bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của Bà Phạm Thị S đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B ngay trong tháng 3/2022. Ngoài việc khai báo

online, Bà Phạm Thị S còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B theo đường bưu chính.

Ngày 10-5-2022, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho Bà Phạm Thị S là 12.000.000 đồng. Bà Phạm Thị S không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho Bà Phạm Thị S là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của Bà Phạm Thị S đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là Bà Phạm Thị S đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của Bà Phạm Thị S không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022 của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của Bà Phạm Thị S từ ngày 16-3-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 30-3-2022, ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả tiền là từ ngày 31-3-2022. Vì vậy Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 31-3-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của Bà Phạm Thị S. Hiện tại, Bà Phạm Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của Bà Phạm Thị S là 24.000.000 đồng (*hai mươi bốn triệu đồng*).

Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày 31-3-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho trường hợp của Bà Phạm Thị S.

Rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B trả tiền phát sinh đi lại về Tòa án làm việc và rút yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B do chậm trả tiền bồi thường.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B) là ông Hà Minh Tấn và tại phiên tòa là ông Hoàng Văn Y trình bày:

Ngày 16-02-2022 Bà Phạm Thị S đã mua bảo hiểm thuộc chương trình "VTA +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho Bà Phạm Thị S được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Bà Phạm Thị S đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022. Thời hạn bảo hiểm đối với Bà Phạm Thị S là 12 tháng, tính từ ngày 17-02-2022 đến ngày 17-02-2023. Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, đã được Bà Phạm Thị S đóng toàn bộ vào ngày 16-02-2022.

Sau khi Bà Phạm Thị S bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh T, Bà Phạm Thị S đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B cũng đã nhận được bộ hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Nguyễn Thị Nh, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của Bà Phạm Thị S từ ngày 16-3-2022. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không yêu cầu Bà Phạm Thị S bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Bà Phạm Thị S mắc bệnh Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm "VTA +". Tuy nhiên do Bà Phạm Thị S bị mắc bệnh Covid-19 sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì Bà Phạm Thị S mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường hợp của Bà Phạm Thị S là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã thông báo đồng ý hỗ trợ cho Bà Phạm Thị S số tiền là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*) nhưng Bà Phạm Thị S không đồng ý.

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không chấp nhận yêu cầu của Bà Phạm Thị S về việc trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm vì giữa hai bên xảy ra tranh chấp chi trả tiền bảo hiểm.

* Bản án sơ thẩm số 42/2023/DS – ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã quyết định: Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 17; Điều 22; Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S.

Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho Bà Phạm Thị S số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng (*hai mươi bốn triệu đồng*).

Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho Bà Phạm Thị S số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 31-3-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 05-7-2023 là 3.033.000 đồng (*ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 06-7-2023) cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S về việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B trả tiền phát sinh đi lại về Tòa án làm việc và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B do chậm trả tiền bồi thường.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 10-7-2023 của Tổng công ty bảo hiểm Bưu điện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết lại theo trình tự phúc thẩm đối với bản án của Toà án nhân dân thành phố Nam Định. Kính mong Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổng công ty bảo hiểm Bưu điện.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Th là người đại diện uỷ quyền của Bà Phạm Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm Bưu điện, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông Phạm Quang Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị S. Buộc Tổng công ty

cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho Bà Phạm Thị S số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 31-3-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 05-7-2023 là 3.033.000đ (ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 06-7-2023) cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm Bưu điện là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị Y vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho Ông Phạm Quang Đ và ông Hồ Đình Q. Bà Phạm Thị S vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho Bà Hoàng Thị Th nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm Bưu điện làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Tranh chấp được giải quyết trong vụ án: Theo đơn khởi kiện được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thụ lý ngày 23-11-2022 thì nguyên đơn là Bà Phạm Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc trả tiền bảo hiểm với Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do vậy tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng bảo hiểm như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng.

[4] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022 thì Bà Phạm Thị S giao kết hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo hiểm B, thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Theo đơn khởi kiện, bà Sinh đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh giao kết hợp đồng bảo hiểm để giải quyết tranh chấp. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[5] Xét về nội dung kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm Bưu điện đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổng công ty bảo hiểm Bưu điện thấy rằng: Về tranh chấp bảo hiểm: Ngày 16-02-2022 Bà Phạm Thị S mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm B, là đơn vị trực thuộc của Tổng

công ty cổ phần Bảo hiểm B. Sau khi Bà Phạm Thị S đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Người mua bảo hiểm là Bà Phạm Thị S, người được bảo hiểm là Bà Phạm Thị S; thời hạn bảo hiểm đối với Bà Phạm Thị S là 12 tháng, tính từ ngày 17-02-2022 đến ngày 17-02-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm... Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa Bà Phạm Thị S và Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đối với Bà Phạm Thị S phát sinh từ ngày 17-02-2022 đến ngày 17-02-2023.

[6] Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Phiếu xét nghiệm ngày 26-02-2022 của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153 thì Bà Phạm Thị S bị mắc bệnh Covid-19. Như vậy, Bà Phạm Thị S đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 9 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 17-02-2022. Ngày 26-02-2022, Bà Phạm Thị S đã được đưa vào Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh T; đây là cơ sở y tế hợp pháp được Sở Y tế tỉnh T thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Các tình tiết trên là cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 17-02-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của Bà Phạm Thị S.

[7] Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Căn cứ nhận định ở trên về việc Bà Phạm Thị S bị mắc bệnh Covid-19 trong thời hạn bảo hiểm, được điều trị tại cơ sở y tế hợp pháp là sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022 và phụ lục kèm theo; đồng thời việc Bà Phạm Thị S bị mắc bệnh Covid-19 không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào được ghi trong Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022. Vì vậy, căn cứ Điều 16 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là Bà Phạm Thị S theo quy định của hợp đồng bảo hiểm. Do Bà Phạm Thị S bị mắc bệnh Covid-19 sau khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh Covid-19, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày

16-02-2022 thì số tiền bảo hiểm cho trường hợp của Bà Phạm Thị S là 24.000.000 đồng.

[8] Đối với quan điểm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B cho rằng Bà Phạm Thị S mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế, do đó trường hợp của Bà Phạm Thị S là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ mục 3 Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 của Bộ Y tế thì Bà Phạm Thị S thuộc loại nguy cơ trung bình, định hướng điều trị tại *"bệnh viện hoặc cơ sở thu dung điều trị Covid-19, trong trường hợp quá tải thì có thể xem xét điều trị tại cộng đồng"*; căn cứ ghi chú tại bảng 4, mục 6.1 Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế về nguyên tắc điều trị thì *"người bệnh nhiễm COVID-19 không triệu chứng hoặc mức độ nhẹ có thể điều trị tại nhà hoặc các cơ sở thu dung điều trị COVID-19 tuỳ theo tình hình dịch tại từng địa phương"*. Trường hợp của Bà Phạm Thị S thực tế đã được cơ sở y tế có thẩm quyền tiếp nhận và điều trị bệnh Covid-19, như vậy là thuộc trường hợp cần thiết phải điều trị tại cơ sở y tế. Quan điểm của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B cho rằng Bà Phạm Thị S mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế nên không được trả tiền bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về nghĩa vụ chậm trả: Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000460/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 16-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B thì Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của Bà Phạm Thị S ngày 16-3-2022, không yêu cầu phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền bảo hiểm là ngày 31-3-2022. Do Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 31-3-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của Bà Phạm Thị S. Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (05-7-2023) là: 24.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng x 15 tháng 5 ngày = 3.033.000 đồng (*ba triệu không trăm ba mươi ba đồng*). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Về việc rút yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Hoàng Thị Th rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B trả tiền phát sinh đi lại về Tòa án làm việc và rút yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B do chậm trả tiền bồi thường. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện này.

[11] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà phúc thẩm Ông Phạm Quang Đ là người đại diên theo uỷ quyền của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B không được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định theo biên lai số 0000241 ngày 17-7-2023, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[13] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 148; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 17; Điều 22; Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 05-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000241 ngày 17-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Văn Tùng